

Số: 70 /2026/QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 20 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hoá, dịch vụ; phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch; phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 104/2026/NĐ-CP quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên để thực hiện các nhiệm vụ quy định tại Điều 40 Luật Ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hoá, dịch vụ; phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch; phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quyết định này quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hoá, dịch vụ; phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch; phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Ninh Bình từ nguồn kinh phí chi thường xuyên theo quy định tại khoản 3 Điều 17, khoản 2 Điều 20 và khoản 2 Điều 25 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP.

2. Quyết định này không quy định đối với các nội dung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP.

3. Đối với nhiệm vụ mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hoá, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng; hoạt động quy hoạch sử dụng kinh phí chi thường xuyên trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại; công nghệ thông tin, khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, bảo vệ môi trường và các lĩnh vực khác (nếu có, ngoài quy định tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 104/2026/NĐ-CP): Các cơ quan, đơn vị áp dụng quy định tại Quyết định này về thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hoá, dịch vụ; phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch; phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng để tổ chức thực hiện đảm bảo đúng quy định.

4. Đối với nguồn kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước giao thực hiện tự chủ của các cơ quan, đơn vị theo quy định của Chính phủ về chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan nhà nước và cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập: Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hoá, dịch vụ; phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch; phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng phục vụ hoạt động thường xuyên, công tác quản lý hoặc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công của cơ quan, đơn vị mình.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan nhà nước, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh (bao gồm các tổ chức chính trị - xã hội); tổ chức chính trị.

2. Các đơn vị sự nghiệp công lập.

3. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến sử dụng kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị

1. Cấp tỉnh

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quản lý đối với các nhiệm vụ có dự kiến kinh phí thực hiện từ 03 tỷ đồng/nhiệm vụ trở lên;

b) Các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị của cơ quan, đơn vị mình và các đơn vị trực thuộc đối với các nhiệm vụ có dự kiến kinh phí thực hiện dưới 03 tỷ đồng/nhiệm vụ.

2. Cấp xã

a) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị cấp xã quản lý đối với các nhiệm vụ có dự kiến kinh phí thực hiện từ 01 tỷ đồng/nhiệm vụ trở lên;

b) Các đơn vị dự toán cấp I quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị của cơ quan, đơn vị mình đối với các nhiệm vụ có dự kiến kinh phí thực hiện dưới 01 tỷ đồng/nhiệm vụ.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện thuê hàng hoá, dịch vụ

1. Cấp tỉnh

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện thuê hàng hoá, dịch vụ của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quản lý đối với các nhiệm vụ có dự kiến kinh phí thực hiện từ 03 tỷ đồng/nhiệm vụ trở lên;

b) Các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện thuê hàng hoá, dịch vụ của cơ quan, đơn vị mình và các đơn vị trực thuộc đối với các nhiệm vụ có dự kiến kinh phí thực hiện dưới 03 tỷ đồng/nhiệm vụ.

2. Cấp xã

a) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện thuê hàng hoá, dịch vụ phục vụ hoạt động của các cơ quan, đơn vị cấp xã quản lý đối với các nhiệm vụ có dự kiến kinh phí thực hiện từ 01 tỷ đồng/nhiệm vụ trở lên;

b) Các đơn vị dự toán cấp I quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí thực hiện thuê hàng hoá, dịch vụ của cơ quan, đơn vị mình đối với các nhiệm vụ có dự kiến kinh phí thực hiện dưới 01 tỷ đồng/nhiệm vụ.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch đối với quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt hoặc tổ chức lập của Ủy ban nhân dân tỉnh (trừ các quy hoạch phân cấp, ủy quyền cho cơ quan, đơn vị trực thuộc, đơn vị cấp dưới).

2. Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch đối với quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt (hoặc được phân cấp, ủy quyền phê duyệt) của Ủy ban nhân dân cấp xã.

3. Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp tỉnh và các cơ quan, đơn vị quyết định phê duyệt dự kiến chi phí thực hiện hoạt động quy hoạch đối với quy hoạch thuộc thẩm quyền phê duyệt (hoặc được phân cấp, ủy quyền phê duyệt) của đơn vị mình.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng

1. Cấp tỉnh

a) Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh quản lý đối với các nhiệm vụ có dự kiến chi phí thực hiện từ 02 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng/nhiệm vụ;

b) Các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị mình và các đơn vị trực thuộc đối với các nhiệm vụ có dự kiến chi phí thực hiện dưới 02 tỷ đồng/nhiệm vụ.

2. Cấp xã

a) Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị cấp xã quản lý đối với các nhiệm vụ có dự kiến chi phí thực hiện từ 01 tỷ đồng đến 20 tỷ đồng/nhiệm vụ;

b) Các đơn vị dự toán cấp I quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến chi phí thực hiện sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của cơ quan, đơn vị mình đối với các nhiệm vụ có dự kiến chi phí thực hiện dưới 01 tỷ đồng/nhiệm vụ.

Điều 7. Tổ chức thực hiện

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp xã chịu trách nhiệm toàn diện về việc phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí/chi phí từ nguồn chi thường xuyên ngân sách nhà nước để thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hoá, dịch vụ; hoạt động quy hoạch; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng theo đúng nguyên tắc, trình tự, thủ tục và các nội dung khác được quy định tại Nghị định số 104/2026/NĐ-CP, Quyết định này và pháp luật có liên quan.

2. Các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp tỉnh: Trước khi thực hiện phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí/chi phí theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 3, điểm b khoản 1 Điều 4, khoản 3 Điều 5 và điểm b khoản 1 Điều 6 Quyết định này, các cơ quan, đơn vị lấy ý kiến của cơ quan chuyên môn quản lý nhà nước đối với nhiệm vụ cần phê duyệt về sự cần thiết, sự phù hợp với nguyên tắc, tiêu chí, nội dung xây dựng dự toán, các nội dung thuộc lĩnh vực chuyên ngành có liên quan và lấy ý kiến của Sở Tài chính về nguồn lực và khả năng cân đối ngân sách.

3. Đối với việc phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí/chi phí quy định tại khoản 2 Điều 3, khoản 2 Điều 4, khoản 2 Điều 5 và khoản 2 Điều 6 Quyết định này, trường hợp dự kiến kinh phí/chi phí có sử dụng nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu, Ủy ban nhân dân cấp xã và các đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp xã phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí/chi phí sau khi được cấp có thẩm quyền giao nhiệm vụ.

4. Hằng quý, các cơ quan, đơn vị dự toán cấp I thuộc cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo việc quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí/chi phí theo quy định tại Quyết định này, gửi Sở Tài chính chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày kết thúc quý. Sở Tài chính tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh việc quyết định phê duyệt chủ trương và dự kiến kinh phí/chi phí của các cơ quan, đơn vị, địa phương chậm nhất là 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.
2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành của tỉnh, Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực V, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Phước

Nơi nhận:

- Như Điều 8;
 - Văn phòng Chính phủ;
 - Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
 - Cục KTVB và Tổ chức THPL - Bộ Tư pháp;
 - Thường trực Tỉnh ủy;
 - Thường trực HĐND tỉnh;
 - Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
 - Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
 - Đảng ủy UBND tỉnh;
 - Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
 - Đảng ủy, HĐND các xã, phường;
 - Báo và Phát thanh, truyền hình Ninh Bình;
 - Công Thông tin điện tử tỉnh;
 - Trung tâm Thông tin - Công báo tỉnh;
 - Văn phòng UBND tỉnh: Các Phó CVP, các VP, Trung tâm.
 - Lưu: VT, VP5
- TTh_VP5

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Song Tùng

Trần Song Tùng